

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
H Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2020/DS - ST.

Ngày: 01/9/2020.

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Triều Vũ Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thạch Thanh Tâm;

Ông Nguyễn Thanh Rực.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Hoàng Bảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2020/TLST - DS, ngày 09 tháng 3 năm 2020 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2020/QĐXXST - DS, ngày 13 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1959; địa chỉ: Số nhà 042, ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1955; địa chỉ: Số nhà 042, ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn:

Ông Trần Văn T, sinh năm 1954; địa chỉ: Ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bà Võ Thị H, sinh năm 1963; địa chỉ: Ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 26/02/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T và ông

Nguyễn Văn D trình bày: Vào ngày 09/11/2012, vợ chồng bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Văn D có cho vợ chồng ông Trần Văn T và bà Võ Thị H vay số tiền gốc là 150.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 04%/tháng, 03 tháng trả vốn và trả lãi hàng tháng. Khi vay ông T, bà H có làm biên nhận và có giao cho bà T và ông D 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Trần Thị C, bà Võ Thị H và ông Trần Văn M. Sau khi vay ông T, bà H trả lãi đầy đủ cho bà T, ông D. Đến đầu năm 2018, ông T, bà H trả số tiền gốc là 50.000.000 đồng thì bà T, ông D trả lại cho ông T, bà H 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên bà Trần Thị CC, bà Võ Thị H, sau đó kể từ tháng 4/2018 đến nay ông T, bà H không trả vốn lãi cho bà T, ông D.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn D thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu vợ chồng ông Trần Văn T, bà Võ Thị H cùng có nghĩa vụ hoàn trả cho bà T, ông D số tiền vay gốc là 100.000.000 đồng và số tiền lãi từ tháng 4/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 01/9/2020 là 30.000.000 đồng; tổng cộng là 130.000.000 đồng và yêu cầu trả đủ một lần trong thời gian ngắn. Đồng thời, bà T và ông D thống nhất trả lại cho ông T, bà H 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 522539 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho hộ ông Trần Văn M ngày 26/8/2003.

- Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và bị đơn ông Trần Văn T trình bày: Vào ngày 09/11/2012, vợ chồng ông Trần Văn T, bà Võ Thị H có vay của vợ chồng bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Văn D số tiền gốc là 150.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 04%/tháng, 03 tháng trả vốn và trả lãi hàng tháng. Khi vay ông T, bà H có làm biên nhận và có giao cho bà T và ông D 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Trần Thị Cháp, bà Võ Thị H và ông Trần Văn M. Sau khi vay ông T, bà H trả lãi đầy đủ cho bà T, ông D. Đến đầu năm 2018, ông T, bà H trả số tiền gốc là 50.000.000 đồng thì bà T, ông D trả lại cho 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên bà Trần Thị Cháp, bà Võ Thị H, sau đó kể từ tháng 4/2018 đến nay ông T, bà H không trả vốn lãi cho bà T, ông D.

Nay ông Trần Văn T thống nhất cùng bà Võ Thị H hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Văn D số tiền vay gốc là 100.000.000 đồng và xin trả số tiền lãi từ tháng 4/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 01/9/2020 là 30.000.000 đồng, tổng cộng là 130.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi đã trả thì ông T thống nhất trả cho bà T, ông D theo thỏa thuận và không yêu cầu gì. Hiện nay do điều kiện kinh tế có khó khăn nên xin bà T, ông D cho vợ chồng ông T, bà H trả dần số nợ mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi trả xong số tiền 130.000.000 đồng và yêu cầu bà T, ông D phải trả lại cho ông T, bà H 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 522539 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho hộ ông Trần Văn M.

- Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt lập ngày 17/8/2020 bị đơn bà Võ Thị H trình bày: Bà H thống nhất với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn D, bà H thừa nhận hiện nay còn nợ bà T, ông D số tiền vay gốc là 100.000.000 đồng.

Nay bà Võ Thị H thống nhất cùng ông Trần Văn T hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Văn D số tiền vay gốc là 100.000.000 đồng và xin trả số tiền lãi từ tháng 4/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 01/9/2020 là 30.000.000 đồng, tổng cộng là 130.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi đã trả thì bà H thống nhất trả cho bà T, ông D theo thỏa thuận không yêu cầu gì. Khi nào trả xong nợ thì bà T, ông D phải trả lại cho bà H, ông T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 522539 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho hộ ông Trần Văn M.

- Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Trần Văn T, bà Võ Thị H cùng có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 30.000.000 đồng, tổng cộng là 130.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn ông Nguyễn Văn D, bị đơn ông Trần Văn T và bà Võ Thị H đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ nhất nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 3 Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông D, ông T và bà H.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T, bị đơn ông Nguyễn Văn D thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi, chỉ yêu cầu bị đơn ông Trần Văn T, bà Võ Thị H cùng có nghĩa vụ hoàn trả cho bà T, ông D số tiền lãi từ tháng 4/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 01/9/2020 là 30.000.000 đồng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Văn D về việc yêu cầu bị đơn ông Trần Văn T, bà Võ Thị H hoàn trả số tiền vay gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi từ tháng 4/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 01/9/2020 là 30.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình xét xử vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Văn D và bị đơn ông Trần Văn T, bà Võ Thị H thống nhất xác định: Vào ngày 09/11/2012, vợ chồng ông Trần Văn T, bà Võ Thị H có vay của vợ chồng bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Văn D số tiền gốc là 150.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 04%/tháng, 03 tháng trả vốn và trả lãi hàng tháng. Sau khi vay ông T, bà H trả lãi đầy đủ cho bà T và ông D, đến đầu năm 2018 thì

ông T, bà H trả số tiền gốc là 50.000.000 đồng, kể từ tháng 4/2018 đến nay ông T, bà H không trả vốn lãi cho bà T, ông D và hiện nay ông T, bà H còn nợ bà T, ông D số tiền vay gốc là 100.000.000 đồng; bà T, ông D đang giữ của ông T, bà H 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 522539 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho hộ ông Trần Văn M ngày 26/8/2003. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, các tình tiết nêu trên là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh trong vụ án nên Hội đồng xét xử khẳng định ông Trần Văn T, bà Võ Thị H có vay và còn nợ bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Văn D số tiền vay gốc là 100.000.000 đồng và bà T, ông D đang giữ của ông T, bà H 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 522539 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho hộ ông Trần Văn M là sự thật.

Trên cơ sở đó, xét yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Văn D yêu cầu ông Trần Văn T, bà Võ Thị H cùng có nghĩa vụ hoàn trả cho bà T, ông D số tiền vay gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi là phù hợp theo quy định tại Điều 274, Điều 280, Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466, khoản 2 Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 và Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu tính lãi của bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Văn D về việc yêu cầu ông Trần Văn T, bà Võ Thị H hoàn trả tiền lãi từ tháng 4/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 01/9/2020 là 30.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình xét xử vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Văn D và bị đơn ông Trần Văn T, bà Võ Thị H thống nhất xác định: Ông T, bà H còn nợ tiền lãi của bà T, ông D từ tháng 04/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 01/9/2020 và thống nhất thỏa thuận ông T, bà H chỉ trả cho bà T, ông D số tiền lãi là 30.000.000 đồng. Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với số tiền lãi theo thỏa thuận là 04%/tháng mà ông Trần Văn T, bà Võ Thị H đã trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Văn D từ thời gian vay đến tháng 4/2018 thì ông T, bà H thống nhất trả lãi theo thỏa thuận và không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Văn D có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Trần Văn T, bà Võ Thị H phải trả lãi cho bà T, ông D theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[6] Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Văn D về việc: Bà T, ông D có nghĩa vụ trả lại cho ông T, bà H 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 522539 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho hộ ông Trần Văn M ngày 26/8/2003.

[7] Đối với việc ông Trần Văn T, bà Võ Thị H yêu cầu được trả dần số tiền vay gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi 30.000.000 đồng với mức trả mỗi tháng là 1.000.000 đồng. Xét yêu cầu của ông T, bà H không thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án mà thuộc thẩm quyền của Chi cục thi hành án dân sự, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Văn D là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn ông Trần Văn T, bà Võ Thị H cùng có nghĩa vụ chịu 6.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng ông T, bà H là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 274, Điều 280, khoản 2 Điều 357, Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466, khoản 1 và khoản 2 Điều 468, khoản 2 Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 và Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Văn D. Buộc bị đơn ông Trần Văn T, bà Võ Thị H cùng có nghĩa vụ hoàn trả cho bà T, ông D số tiền vay gốc là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và tiền lãi là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), tổng cộng là 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Văn D có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Trần Văn T, bà Võ Thị H phải trả lãi cho bà T, ông D theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Văn D về việc: Bà T, ông D có nghĩa vụ trả lại cho ông T, bà H 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 522539 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho hộ ông Trần Văn M ngày 26/8/2003

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Trần Văn T, bà Võ Thị H là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Văn D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương

sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên đương sự;
- VKSND huyện L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tăng Triều Vũ Hà